TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG – TP. HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 284/2019/QĐST-HNGĐ	*Hà Đông, ngày 18 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 605/2019/TLST-VHNGĐ ngày 10/9/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Lê Nam T, sinh ngày: 03/6/1981; HKTT: Số XX, phố A, Tổ Y, phường M, quận HĐ, thành phố Hà Nội;

+ Chị Vũ Thị H, sinh ngày: 20/01/1988; HKTT: Số XX, phố A, Tổ Y, phường M, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Anh Lê Nam T và chị Vũ Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận HĐ, thành phố Hà Nội ngày 04/12/2014 do hai bên tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã ly thân, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn. Anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình thì việc anh T và chị H thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Trọng N, sinh ngày: 25/9/2014. Hai bên thỏa thuận anh T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng; chị H tự nguyện nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn; Biên bản hòa giải, đối thoại thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Nam T và chị Vũ Thị H (Giấy chứng nhận kết hôn số 153/2014 Quyển số 01/2014 ngày 04/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường M, quận HĐ, thành phố Hà Nội không còn giá trị).

- Về con chung: Anh Lê Nam T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Trọng N, sinh ngày: 25/9/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng; chị H tự nguyện nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Được trừ số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0008165 và 0008164 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Ánh